**1A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II TOÁN – LỚP 6**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **PHÂN SỐ****(16 tiết)** | *Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số* | 20,5đ |  |  | 21,0đ |  |  |  |  | 3,0 |
| *Các phép tính với phân số* |  |  |  |  |  | 21,0đ |  | 10,5đ |
| **2** | **SỐ THẬP PHÂN (10 tiết)** | *Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm* |  |  |  | 11,0đ |  | 11,0đ |  | 10,5đ | 2,5 |
| **3** | **HÌNH HỌC TRỰC QUAN****(9 tiết)** | *Hình có trục đối xứng* |  | 10,5 đ |  |  |  |  |  |  | 1,0 |
| *Hình có tâm đối xứng* | 10,25 đ |  |  |  |  |  |  |  |
| *Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên* | 10,25 đ |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **CÁC HÌNH HÌNH HỌC CƠ BẢN****(20 tiết)** | *Điểm, đường thẳng, tia* | 10,25 đ | 21,0đ |  |  |  |  |  |  | 3,0 |
| *Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng* |  | 10,5 đ |  | 11,0đ |  |  |  |  |
| *Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc* | 10,25 đ |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** | **MỘT SỐ YẾU TỐ XÁC SUẤT****(9 tiết)** | *Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản* | 20,5đ |  |  |  |  |  |  |  | 0,5 |
| *Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng: Số câu****Điểm** | 82,0 | 42,0 |  | 43,0 |  | 32,0 |  | 21,0 | 2110,0 |
| **Tỉ lệ %** | 40% | 30% | 20% | 10% | 100% |
| **Tỉ lệ chung** | 70% | 30% | 100% |

*Chú ý: Tổng tiết : 64 tiết*

**1B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II TOÁN – LỚP 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chương/Chủ đề** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **SỐ - ĐAI SỐ** |
| 1 | PHÂN SỐ | ***Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số*** | ***Nhận biết:***– Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm. | **1TN** |  |  |  |
| – Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số. | **1TN** |  |  |  |
| – Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số |  |  |  |  |
| – Nhận biết được số đối của một phân số. |  |  |  |  |
| – Nhận biết được hỗn số dương. |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***– So sánh được hai phân số cho trước. |  | **2TL** |  |  |
| ***Các phép tính với phân số*** | ***Vận dụng:***– Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số. |  |  |  |  |
| – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). |  |  | **2TL** |  |
| – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó. |  |  |  |  |
| – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...). |  |  |  |  |
| ***Vận dụng cao:***– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số. |  |  |  | **1TL** |
| 2 | SỐ THẬP PHÂN | ***Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm*** | ***Nhận biết:***– Nhận biết được số thập phân âm, số đối của một số thập phân. |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***– So sánh được hai số thập phân cho trước. |  | 1TL |  |  |
| ***Vận dụng:***– Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân. |  |  |  |  |
| – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). |  |  | **1TL** |  |
| – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân. |  |  |  |  |
| – Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó. |  |  |  |  |
| – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học,...). |  |  |  |  |
| – Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng cao:***– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm. |  |  |  | **1TL** |
| **HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG** |
| 3 | **Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên** | ***Hình có trục đối xứng*** | ***Nhận biết:***– Nhận biết được trục đối xứng của một hình phẳng. | **1TL** |  |  |  |
| – Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều). |  |  |  |  |
| ***Hình có tâm đối xứng*** | ***Nhận biết:***– Nhận biết được tâm đối xứng của một hình phẳng. | **1TN** |  |  |  |
| – Nhận biết được những hình phẳng trong thế giới tự nhiên có tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều). |  |  |  |  |
| ***Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên*** | ***Nhận biết:***– Nhận biết được tính đối xứng trong Toán học, tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo,... | **1TN** |  |  |  |
| – Nhận biết được vẻ đẹp của thế giới tự nhiên biểu hiện qua tính đối xứng (ví dụ: nhận biết vẻ đẹp của một số loài thực vật, động vật trong tự nhiên có tâm đối xứng hoặc có trục đối xứng). |  |  |  |  |
| 4 | **Các hình hình học cơ bản** | ***Điểm, đường thẳng, tia*** | ***Nhận biết:***– Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt. |  |  |  |  |
| – Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song. | **1TN** |  |  |  |
| – Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng. | **2TL** |  |  |  |
| – Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm. |  |  |  |  |
| – Nhận biết được khái niệm tia. |  |  |  |  |
| ***Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng*** | ***Nhận biết:***–Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. |  | 1TL |  |  |
| ***Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc*** | ***Nhận biết:***– Nhận biết được khái niệm góc, điểm trong của góc (không đề cập đến góc lõm). |  |  |  |  |
| – Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt). | **1TN** |  |  |  |
| – Nhận biết được khái niệm số đo góc. |  |  |  |  |
| **MỘT SỐ YẾU TỐ XÁC SUẤT** |
| 5 | **Một số yếu tố xác suất** | ***Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản*** | ***Nhận biết:***–Làm quen với mô hình xác suấttrong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu, ...). | 2TN |  |  |  |
| ***Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản*** | ***Thông hiểu:***– Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng:***– Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6****TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN LUÔNG** | **ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA CUỐI KÌ 2****NĂM HỌC 2022 – 2023****MÔN: TOÁN 6****THỜI GIAN: 90 PHÚT** |

**I. Trắc nghiệm *(2 điểm)***

**Câu 1**. Trong các cách viết sau đây, cách viết nào là phân số:

A.  B.  C.  D. 

**Câu 2**. Trong các cặp phân số sau, cặp phân số nào bằng nhau?

A.  B.  C.  D. 

**Câu 3.** Trong các hình sau, hình nào ***không có*** tâm đối xứng ?

A.Hình 1 B.Hình 2 C.Hình 3 D.Hình 4

### Câu 4. Cho các hình sau, có bao nhiêu hình có tính đối xứng ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |
|  |  |   |   |

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 5.** Cho các hình vẽ sau. Chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau:

A. Hai đường thẳng a và b cắt nhau. B. Hai đường thẳng c và d song song với nhau.

C. Hai đường thẳng x và y cắt nhau. D. Hai đường thẳng m và n cắt nhau.

**Câu 6.** Quan sát hình dưới đây, kim giờ và kim phút tạo với nhau một góc:



A. Góc nhọn B. Góc vuông C. Góc tù D. Góc bẹt

**Câu 7.** Trong hộp có 1 bóng xanh (X), 1 bóng đỏ (Đ) và 1 bóng vàng (V). Hòa lấy ra lần lượt từng bóng, ghi màu quả bóng rồi trả nó lại hộp. Kết quả 9 lần lấy bóng cho ở bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lần lấy thứ | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| Màu bóng | X | V | X | Đ | X | X | V | Đ | V |

Có bao nhiêu kết quả khác nhau có thể xảy ra trong mỗi lần Hòa lấy bóng?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 8.** Cho phép thử nghiệm gieo con xúc xắc 6 mặt. Sự kiện nào trong các sự kiện sau có thể xảy ra?

A. Số chấm lớn hơn 6. B. Số chấm nhỏ hơn 5.

C. Số chấm bằng 7. D. Số chấm bằng 0.

**II. Tự luận (8 điểm)**

**Bài 1**. (2,0 điểm)

a) So sánh hai phân số:  và ;  và 

b) Sắp xếp các số thập phân sau theo thứ tự tăng dần: -2,9; -2,99; 1,1; 0,7.

**Bài 2.** (2,0 điểm) Thực hiện phép tính:

a) 

b) 

c) 

**Bài 3.** (0,5 điểm)Bạn Toàn làm một số bài toán trong ba ngày. Ngày đầu, bạn làm được  số bài. Ngày thứ hai, bạn làm được  số bài còn lại. Ngày thứ ba, bạn làm hết 8 bài cuối cùng. Hỏi trong ba ngày, bạn Toàn làm được bao nhiêu bài?

**Bài 4.** (0,5 điểm) Giá bán một cái bánh cùng loại ở hai cửa hàng A và B đều là 15 000 đồng, nhưng mỗi cửa hàng áp dụng hình thức khuyến mãi khác nhau.

Cửa hàng A: đối với 3 cái bánh đầu tiên, giá mỗi cái là 15000 đồng và từ cái bánh thứ tư trở đi khách hàng chỉ phải trả 75% giá bán.

Cửa hàng B: cứ mua 3 cái bánh thì được tặng thêm 1 cái bánh cùng loại.

Bạn Tuấn cần đúng 13 cái bánh để tổ chức sinh nhật thì bạn ấy nên mua bánh ở cửa hàng nào để lợi hơn?

**Bài 5.** (0,5 điểm) Trong các hình sau, hình nào có tâm đối xứng; hình nào vừa có trục đối xứng vừa có tâm đối xứng?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |

 Hình thoi Hình thang Hình tam giác Hình bình hành

**Bài 6**. (1điểm) Cho hình vẽ.



a) Hãy kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng; một bộ ba điểm không thẳng hàng.

b) Kể tên một đường thẳng và một tia gốc D.

**Bài 7**. (0,5 điểm) Cho hình vẽ.



Hãy kể tên 4 đoạn thẳng khác nhau, trong đó có một đầu mút là điểm D.

**Bài 8.** (1,0 điểm) Vẽ đoạn thẳng . Lấy điểm  là trung điểm của đoạn thẳngTính độ dài đoạn 

**HẾT**

**ĐÁP ÁN**

**I. Trắc nghiệm khách quan. (2 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| A | C | A | C | A | B | C | B |

**II. Tự luận (8 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Bài 1 (2,0 điểm) |  |  |
|  | a) So sánh hai phân số; Vì  nên  | 0,5 đ |
|  ; Vì  nên  | 0,5 đ   |
| b) Sắp xếp các số thập phân sau theo thứ tự tăng dần: -2,99; -2,9; 0,7; 1,1. | 1,0 đ |
| Bài 2. (2,0 điểm) |  | 0,5 đ |
|  | 0,5 đ |
| c) = [2,1 + (-2,1)] + (7,9 – 7,9) + 4,2= 0 + 0 + 4,2 = 4,2 | 1,0 đ |
| Bài 3. (0,5 điểm) | Phân số biểu thị số bài toán còn lại sau khi bạn Toàn làm được  số bài: Phân số biểu thị số bài bạn Toàn làm được trong ngày thứ ba: Số bài toán bạn Toàn làm được trong ba ngày: (bài) | 0,5 đ |
| Bài 4. (0,5 điểm) | Số tiền bạn Tuấn phải trả nếu mua 13 cái bánh ở cửa hàng A:3. 15000 + 10. 15000. 75% = 157500 (đồng)Số tiền bạn Tuấn phải trả nếu mua 13 cái bánh ở cửa hàng B:10. 15000 = 150000 (đồng)Vậy bạn Tuấn mua bánh ở cửa hàng B sẽ lợi hơn. | 0,5 đ |
| Bài 5. (0,5 điểm) | Hình có tâm đối xứng: Hình thoi, hình bình hành.Hình vừa có trục đối xứng vừa có tâm đối xứng là hình thoi. | 0,5 đ |
| Bài 6. (1điểm) | a) Ba điểm thẳng hàng: D, E, F. Ba điểm không thẳng hàng D, G, F.b) Đường thẳng HI. Tia DF | 1 đ (Học sinh có thể trả lời kết quả khác). |
| Bài 7. (0,5 điểm) | 4 đoạn thẳng có một đầu mút là điểm D là: DE, DA, DC, DB. | 0,5 đ |
| Bài 8. (1,0 điểm | Vì M là trung điểm của đoạn thẳng MN nênOM = ON = MN: 2OM = ON = 8: 2 = 4 cm  | 1 đ |